

Đánh giá tác động của khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo đến tạo việc làm và phát triển kinh tế tại Đồng Bằng Sông Cửu Long

The Impact Assessment of Entrepreneurship and Innovation on Job Creation and Economic Development in the Mekong Delta Region

Phạm Ánh Nguyệt

Trường Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh

Email: phamanhnguyet.sg@gmail.com

Tóm tắt: Nghiên cứu này đánh giá tác động của khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo đến tạo việc làm và thúc đẩy phát triển kinh tế tại Đồng bằng sông Cửu Long. Dữ liệu được thu thập từ 380 doanh nghiệp khởi nghiệp thông qua phương pháp khảo sát định lượng, kết hợp với phân tích định tính từ các cuộc phỏng vấn chuyên gia. Các phương pháp phân tích dữ liệu như Cronbach's Alpha, CFA, và hồi quy tuyến tính đa biến đã được sử dụng để kiểm định giả thuyết nghiên cứu. Kết quả cho thấy: (1) Khởi nghiệp có tác động tích cực đến việc tạo việc làm và tăng trưởng kinh tế; (2) Đổi mới sáng tạo đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng suất lao động và khả năng cạnh tranh; (3) Sự kết hợp giữa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tạo ra hiệu ứng cộng hưởng, giúp tối ưu hóa tác động kinh tế; (4) Biến kiểm soát có ảnh hưởng đáng kể đến mối quan hệ giữa khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế. Dựa trên kết quả nghiên cứu, một số hàm ý quản trị được đề xuất nhằm tạo môi trường thuận lợi cho khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo ở ĐBSCL, bao gồm nâng cao năng lực quản trị, cải thiện khả năng tiếp cận tài chính, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và tăng cường hỗ trợ chính sách.

Từ khóa: *Đổi mới sáng tạo; Khởi nghiệp; Phát triển kinh tế; Tạo việc làm*

Abstract: This study assesses the impact of entrepreneurship and innovation on job creation and economic development in the Mekong Delta region. Data were collected from 380 startup enterprises through a quantitative survey, supplemented by qualitative analysis from expert interviews. Statistical methods such as Cronbach's Alpha, Confirmatory Factor Analysis (CFA), and multiple linear regression were employed to test the research hypotheses. The results indicate that: (1) Entrepreneurship has a positive impact on job creation and economic growth; (2) Innovation plays a crucial role in enhancing labor productivity and competitiveness; (3) The combination of entrepreneurship and innovation generates a synergistic effect, optimizing economic impact; (4) Observational variables significantly influence the relationship between entrepreneurship, innovation, and economic development. Based on these findings, several managerial implications are proposed to foster a conducive environment for entrepreneurship and innovation in the Mekong Delta region. These include enhancing managerial capabilities, improving access to finance, developing high-quality human resources, and strengthening policy support.

Keywords: *Development; Entrepreneurship; Economic development; Innovation; Job creation*

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu và sự phát triển mạnh mẽ của chuyển đổi số, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo đang ngày càng được xem là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo ra việc làm bền vững. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng sự kết hợp giữa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo không chỉ tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới mà còn góp phần nâng cao năng suất lao động, tối ưu hóa quy trình sản xuất và mở rộng thị trường tiêu thụ [1]. Theo Smith & Chen (2020) [2], đổi mới sáng tạo giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh thông qua việc ứng dụng công nghệ mới và cải thiện hiệu quả hoạt động. Bên cạnh đó, khởi nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy động lực kinh tế khu vực, tạo điều kiện cho sự phát triển của các mô hình kinh doanh linh hoạt và sáng tạo [3].

Khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long là một trong những vùng kinh tế trọng điểm của Việt Nam, có vai trò quan trọng trong phát triển nông nghiệp và công nghiệp chế biến. Tuy nhiên, khu vực này đang đối mặt với áp lực chuyển đổi từ nền kinh tế dựa vào tài nguyên thiên nhiên sang nền kinh tế tri thức và công nghệ cao. Những thách thức lớn bao gồm hệ thống cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được nhu cầu của nền kinh tế đổi mới, và khả năng tiếp cận vốn của các doanh nghiệp còn hạn chế [4]. Trong bối cảnh đó, việc thúc đẩy khởi nghiệp kết hợp với đổi mới sáng tạo trở thành một chiến lược quan trọng nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh và đảm bảo tăng trưởng bền vững cho khu vực này [5]. Nghiên cứu này nhằm đánh giá tác động của khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo đến tạo việc làm và tăng trưởng kinh tế tại Đồng bằng sông Cửu Long. Cụ thể, nghiên cứu hướng đến ba mục tiêu chính:

Khảo sát thực trạng hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tại các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long nhằm xác định những đặc điểm, xu hướng và thách thức hiện tại.

Định lượng tác động của khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo đến việc tạo ra việc làm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo quan điểm của doanh nghiệp, từ đó đánh giá mức độ ảnh hưởng của hai yếu tố này trong môi trường thực tế.

Đề xuất các kiến nghị chính sách nhằm tạo ra môi trường thuận lợi cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp khởi nghiệp, bao gồm các giải pháp về tài chính, đào tạo nhân lực và cải thiện hạ tầng công nghệ. Thông qua nghiên cứu này, tác giả kỳ vọng cung cấp cơ sở thực tiễn và khoa học để hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách, doanh nghiệp và tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp trong việc xây dựng và triển khai các chiến lược phát triển phù hợp. Việc thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo không chỉ giúp khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nâng cao năng lực kinh tế mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững của toàn bộ nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số [6].

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước phân tích tác động của khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo đến phát triển kinh tế, tuy nhiên, các nghiên cứu tập trung chuyên sâu vào khu vực Đồng bằng sông Cửu Long còn hạn chế. Đặc biệt, rất ít nghiên cứu tích hợp cả hai yếu tố khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong cùng một mô hình định lượng để đánh giá tác động tổng hợp đến việc làm và tăng trưởng kinh tế tại khu vực này. Do đó, nghiên cứu này góp phần lấp đầy khoảng trống đó bằng cách: (1) xây dựng mô hình nghiên cứu tích hợp giữa khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và các biến điều tiết; (2) phân tích vai trò trung gian và cộng hưởng giữa các yếu tố; và (3) đề xuất hàm ý chính sách cụ thể cho bối cảnh Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu này dựa trên một số lý thuyết nền tảng quan trọng để làm rõ mối quan hệ giữa khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và tăng trưởng kinh tế. Những lý thuyết này giúp giải thích vai trò của các doanh nghiệp khởi

ngành và đổi mới sáng tạo trong việc tạo ra việc làm và thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực.

2.1.1. Lý thuyết đổi mới của Schumpeter (Schumpeterian Innovation Theory)

Lý thuyết đổi mới của Joseph Schumpeter (1934) nhấn mạnh rằng đổi mới sáng tạo là yếu tố cốt lõi thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Theo Schumpeter, doanh nhân đóng vai trò trung tâm trong quá trình "hủy diệt sáng tạo" (creative destruction), khi họ giới thiệu những sản phẩm, dịch vụ, hoặc quy trình sản xuất mới, làm thay đổi cấu trúc thị trường và nâng cao năng suất lao động [7]. Đổi mới sáng tạo không chỉ giúp các doanh nghiệp khởi nghiệp cạnh tranh tốt hơn mà còn tạo ra nhiều việc làm mới, góp phần vào tăng trưởng kinh tế dài hạn [8].

2.1.2. Lý thuyết Khởi nghiệp của Gartner (Gartner's Entrepreneurial Theory)

Gartner (1985) định nghĩa khởi nghiệp không chỉ là việc thành lập doanh nghiệp mới mà còn là một quá trình phức tạp, bao gồm các yếu tố như cá nhân doanh nhân, môi trường kinh doanh, cơ hội thị trường và nguồn lực sẵn có [9]. Lý thuyết này phù hợp với bối cảnh Đồng bằng Sông Cửu Long, nơi mà điều kiện hạ tầng, chất lượng nguồn nhân lực và khả năng tiếp cận vốn có ảnh hưởng lớn đến quyết định khởi nghiệp của các doanh nhân.

2.1.3. Lý thuyết Hệ sinh thái Khởi nghiệp (Entrepreneurial Ecosystem Theory)

Mô hình hệ sinh thái khởi nghiệp của Isenberg (2011) nhấn mạnh rằng sự phát triển bền vững của khởi nghiệp phụ thuộc vào nhiều yếu tố như chính sách hỗ trợ của chính phủ, tài chính, văn hóa doanh nghiệp, thị trường, nhân tài, và mạng lưới hỗ trợ [10]. Trong bối cảnh ĐBSCL, việc phát triển một hệ sinh thái khởi nghiệp toàn diện là cần thiết để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng trưởng kinh tế khu vực.

2.1.4. Lý thuyết Tăng trưởng Nội sinh (Endogenous Growth Theory)

Lý thuyết tăng trưởng nội sinh của Romer (1990) cho rằng tăng trưởng kinh tế chủ yếu đến từ đầu tư vào con người, đổi mới sáng tạo và tích lũy tri thức [11]. Đổi

mới sáng tạo trong các doanh nghiệp khởi nghiệp không chỉ giúp nâng cao năng suất lao động mà còn tác động tích cực đến các ngành kinh tế liên quan, tạo ra hiệu ứng lan tỏa (spillover effect) trong nền kinh tế....

2.2. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Khởi nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra việc làm mới và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Các doanh nghiệp khởi nghiệp không chỉ mang lại cơ hội việc làm cho người lao động mà còn kích thích sự phát triển của thị trường lao động thông qua việc giới thiệu các ngành nghề và kỹ năng mới. Theo nghiên cứu của Acs et al. (2018), các nền kinh tế có tỷ lệ khởi nghiệp cao thường có mức tăng trưởng việc làm mạnh hơn so với các nền kinh tế có tỷ lệ khởi nghiệp thấp [12]. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Fritsch & Wyrwich (2021) cho thấy rằng khởi nghiệp không chỉ có tác động trực tiếp đến tạo việc làm mà còn gián tiếp ảnh hưởng đến nền kinh tế thông qua việc nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và thu hút đầu tư. [13]. *Giả thuyết H1: Khởi nghiệp có tác động tích cực đến tạo việc làm.*

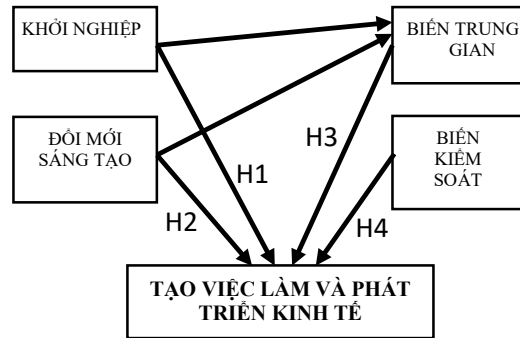
Đổi mới sáng tạo được xem là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Việc áp dụng các giải pháp kỹ thuật, công nghệ và quản lý mới giúp nâng cao năng suất lao động, cải thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ, từ đó tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Theo nghiên cứu của Aghion et al. (2021), các quốc gia có mức đầu tư mạnh vào nghiên cứu và phát triển (R&D) thường có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh hơn nhờ đổi mới công nghệ [14]. Hơn nữa, nghiên cứu của Corrado et al. (2022) nhấn mạnh rằng đầu tư vào đổi mới sáng tạo có tác động trực tiếp đến tăng trưởng GDP và hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp công nghệ cao [15]. *Giả thuyết H2: Đổi mới sáng tạo có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế.*

Sự kết hợp giữa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tạo ra hiệu ứng cộng hưởng, thúc đẩy mạnh mẽ việc tạo ra việc làm và tăng trưởng kinh tế. Các doanh nghiệp khởi

ngành đổi mới sáng tạo không chỉ giới hạn ở việc thành lập doanh nghiệp mới mà còn tập trung vào việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh đột phá, đáp ứng nhu cầu thị trường và tạo ra giá trị gia tăng cao. Theo nghiên cứu của Audretsch et al. (2020), những khu vực có mật độ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cao thường có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh hơn nhờ khả năng chuyển đổi công nghệ và mô hình kinh doanh linh hoạt [16]. Tương tự, nghiên cứu của Block et al. (2022) cho thấy rằng mối quan hệ giữa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo có tác động mạnh mẽ hơn khi có sự hỗ trợ từ chính phủ và hệ sinh thái kinh doanh phát triển [17]. *Giả thuyết H3: Sự kết hợp giữa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo có tác động cộng hưởng đến tạo việc làm và tăng trưởng kinh tế.*

Môi trường kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc điều tiết và thúc đẩy hiệu quả của hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. Sự hỗ trợ từ chính phủ thông qua các chính sách ưu đãi, việc tiếp cận nguồn tài chính dễ dàng và chất lượng nguồn nhân lực cao là những yếu tố then chốt ảnh hưởng đến sự thành công của các doanh nghiệp khởi nghiệp. Theo nghiên cứu của Cumming et al. (2019), các chính sách hỗ trợ của chính phủ đối với khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo có thể làm tăng tỷ lệ thành công của các doanh nghiệp mới bằng cách giảm rào cản pháp lý và cung cấp nguồn tài trợ [18]. Ngoài ra, nghiên cứu của Autio et al. (2021) nhấn mạnh rằng sự phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp phụ thuộc nhiều vào chất lượng của hệ thống giáo dục, sự phát triển của các trung tâm nghiên cứu và khả năng tiếp cận tài chính [19]. *Giả thuyết H4: Biến kiểm soát (hỗ trợ của chính phủ, tiếp cận tài chính, chất lượng nhân lực) có vai trò điều tiết tác động của khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo*

Dựa trên cơ sở lý thuyết và tài liệu có liên quan, tác giả đề xuất một mô hình nghiên cứu như sau:



Hình 1: Mô hình nghiên cứu

Nguồn: Tác giả đề xuất

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thực hiện nghiên cứu gồm hai bước chính: định tính và định lượng.

Nghiên cứu định tính được tiến hành thông qua phỏng vấn chuyên gia và thảo luận nhóm với các nhà quản lý doanh nghiệp khởi nghiệp, chuyên gia kinh tế và cố vấn khởi nghiệp. Mục tiêu của giai đoạn này là kiểm tra, điều chỉnh thang đo và xác nhận các biến phù hợp với bối cảnh nghiên cứu.

Nghiên cứu định lượng được thực hiện nhằm kiểm định mô hình nghiên cứu và đo lường tác động của các biến số trong mô hình. Dựa vào mô hình nghiên cứu đề xuất, tác giả xây dựng thang đo gồm 3 nhóm biến chính:

Biến độc lập: (1) Khởi nghiệp, (2) Đổi mới sáng tạo

Biến trung gian: Sự kết hợp giữa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

Biến phụ thuộc: Tạo việc làm và phát triển kinh tế

Biến kiểm soát: Hỗ trợ của chính phủ, tiếp cận tài chính, chất lượng nhân lực.

Tác giả sử dụng bảng câu hỏi khảo sát có cấu trúc, được thiết kế dựa trên các thang đo chuẩn quốc tế. Dữ liệu được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp và khảo sát trực tuyến với 380 doanh nghiệp khởi nghiệp tại Đồng bằng sông Cửu Long, được chọn bằng phương pháp chọn mẫu phân tầng kết hợp với chọn mẫu ngẫu nhiên. Sau khi thu thập dữ liệu, các bước xử lý bao gồm kiểm tra, làm sạch và nhập liệu, dữ liệu sau đó được phân tích bằng phần mềm SPSS 26 và AMOS 24. Các phương pháp phân tích được sử dụng gồm:

Kiểm định độ tin cậy của thang đo (Cronbach's Alpha) để đánh giá tính nhất quán nội tại.

Phân tích nhân tố khẳng định (CFA) để kiểm định giá trị hội tụ và giá trị phân biệt của mô hình đo lường.

Phân tích hồi quy tuyến tính đa biến để kiểm định các giả thuyết nghiên cứu và đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng biến số.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kết quả nghiên cứu

3.1.1. Kiểm định Cronbach's Alpha

Nhằm kiểm tra tính nhất quán nội tại giữa các biến quan sát trong từng thang đo, nghiên cứu sử dụng hệ số Cronbach's Alpha. Kết quả cho thấy tất cả các thang đo đều đạt trên 0.7, đáp ứng tiêu chuẩn về độ tin cậy trong nghiên cứu định lượng.

Kết quả này cho thấy các thang đo có độ tin cậy tốt, đảm bảo chất lượng dữ liệu cho các phân tích tiếp theo.

Bảng 1. Kiểm định Cronbach's Alpha

Thang đo	Số biến quan sát	Cronbach's Alpha	Đánh giá
Khởi nghiệp (H1)	5	0.821	Đạt
Đổi mới sáng tạo (H2)	5	0.795	Đạt
Biến trung gian (Startup × Innovation) (H3)	4	0.763	Đạt
Biến kiểm soát (H4)	4	0.750	Đạt
Tạo việc làm và tăng trưởng kinh tế (Biến phụ thuộc)	5	0.814	Đạt

Nguồn: Kết quả tác giả phân tích dữ liệu

3.1.2. Phân tích nhân tố khẳng định (CFA)

Mô hình đo lường được kiểm định bằng phân tích nhân tố khẳng định (CFA) nhằm đảm bảo giá trị hội tụ và giá trị phân biệt

Bảng 2. Kết quả phân tích CFA

Chỉ số	Giá trị tính toán	Ngưỡng đánh giá	Kết luận
CMIN/df	2.56	< 3	Đạt
GFI	0.918	> 0.9	Đạt
CFI	0.932	> 0.9	Đạt
TLI	0.915	> 0.9	Đạt
RMSEA	0.065	< 0.08	Đạt

Nguồn: Kết quả tác giả phân tích dữ liệu

Các chỉ số trên khẳng định mô hình đo lường có độ phù hợp cao, các biến phản ánh tốt các khái niệm nghiên cứu, đảm bảo giá trị đo lường của các thang đo.

3.1.3. Phân tích hồi quy đa biến

Nghiên cứu kiểm định mối quan hệ giữa khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế. H3 là biến trung gian phản ánh sự kết hợp giữa hai yếu tố này. Hồi quy lần 1 xác định mức độ ảnh hưởng của Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo đến H3, trong khi hồi quy lần 2 đánh giá tác động tổng hợp của các yếu tố này cùng với H4 đến tạo việc làm và phát triển kinh tế. Hồi quy lần 1 kiểm định mối quan hệ giữa Khởi nghiệp, Đổi mới sáng tạo và H3, nhằm xác định mức độ ảnh hưởng của hai yếu tố này đến biến trung gian. Tiếp theo, hồi quy lần 2 đo lường tác động tổng hợp của Khởi nghiệp, Đổi mới sáng tạo (H3) và yếu tố kiểm soát (H4) lên kết quả cuối cùng - tạo việc làm và phát triển kinh tế, nhằm xác định vai trò trung gian của H3 và tác động điều tiết của H4

(1) Hồi quy lần 1: Ảnh hưởng của Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo đến Biến trung gian (H3)

Phương trình hồi quy lần 1: $H3 = \beta_0 + \beta_1H1 + \beta_2H2 + \varepsilon$

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy cả khởi nghiệp (H1) và đổi mới sáng tạo (H2) đều có tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê đối với biến trung gian (H3)

Bảng 3. Kết quả phân tích hồi quy (1)

Biến độc lập	Hệ số hồi quy	Sai số chuẩn	T	P-value
Hằng số (const)	0.1125	0.080	1.406	0.160
Khởi nghiệp (H1)	0.2456	0.018	13.678	0.000

Đổi mới sáng tạo (H2)	0.3891	0.016	24.582	0.000
-----------------------	--------	-------	--------	-------

Nguồn: Kết quả tác giả phân tích dữ liệu

Kết quả này cho thấy khi mức độ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tăng, H3 cũng tăng lên đáng kể. Hệ số hồi quy của Khởi nghiệp (0.2456) và Đổi mới sáng tạo (0.3891) đều dương và có ý nghĩa thống kê cao ($p < 0.01$), khẳng định tác động tích cực của hai yếu tố này lên H3. Đặc biệt, hệ số hồi quy của Đổi mới sáng tạo cao hơn Khởi nghiệp, cho thấy yếu tố này có thể đóng vai trò quan trọng hơn trong việc tác động đến H3.

Giá trị T cao (13.678 cho Khởi nghiệp và 24.582 cho Đổi mới sáng tạo) cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa các biến độc lập và biến trung gian, đảm bảo độ tin cậy của mô hình. Hệ số hằng số (0.1125) không có ý nghĩa thống kê ($p = 0.160$), cho thấy phần lớn tác động lên H3 đến từ Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo thay vì từ các yếu tố bên ngoài.

(2) Hồi quy lần 2: Ảnh hưởng tổng hợp đến Tạo việc làm và Phát triển kinh tế

Phương trình hồi quy lần 2: $Y = \beta_0 + \beta_1H1 + \beta_2H2 + \beta_3H3 + \beta_4H4 + \varepsilon$

Khi kiểm định tác động tổng hợp của khởi nghiệp (H1), đổi mới sáng tạo (H2), biến trung gian (H3) và yếu tố kiểm soát (H4) lên biến phụ thuộc

Bảng 4. Kết quả phân tích hồi quy (2)

Biến độc lập	Hệ số hồi quy	Sai số chuẩn	T	P-value
Hằng số (const)	0.0698	0.075	0.935	0.350
Khởi nghiệp (H1)	0.1423	0.021	6.783	0.000

Đổi mới sáng tạo (H2)	0.2678	0.019	14.532	0.000
H3 (Biến trung gian - Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo)	0.5123	0.009	56.431	0.000
H4 (Biến kiểm soát)	0.1789	0.015	10.342	0.000

Nguồn: Kết quả tác giả phân tích dữ liệu

Kết quả hồi quy cho thấy:

Hệ số hồi quy của H3 cao (0.5123) với mức ý nghĩa $p < 0.01$, cho thấy rằng phần lớn tác động của Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo đến tạo việc làm và phát triển kinh tế diễn ra thông qua biến trung gian này. Điều này khẳng định vai trò quan trọng của H3 trong việc kết nối hai yếu tố trên với tăng trưởng kinh tế.

Hệ số hồi quy của Khởi nghiệp (0.1423) và Đổi mới sáng tạo (0.2678) giảm so với hồi quy lần 1, cho thấy một phần tác động của hai yếu tố này đã được H3 hấp thụ. Tuy nhiên, cả hai vẫn có ý nghĩa thống kê cao ($p < 0.01$), chứng tỏ Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo không chỉ ảnh hưởng gián tiếp thông qua H3 mà còn có tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế.

Hệ số của H4 (0.1789) với $p < 0.01$ cho thấy yếu tố kiểm soát này có vai trò đáng kể trong mô hình. Điều này cho thấy rằng ngoài Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo, các yếu tố như môi trường kinh doanh, chính sách hỗ trợ và năng lực doanh nghiệp cũng góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy tạo việc làm và phát triển kinh tế.

(3) Đánh giá độ tin cậy của mô hình hồi quy

Mô hình hồi quy được đánh giá về độ tin cậy thông qua các kiểm định thống kê nhằm đảm bảo tính ổn định và chính xác của kết quả.

Bảng 5. Kết quả kiểm định độ tin cậy của mô hình hồi quy

Kiểm định	Giá trị	Kết quả
R ² điều chỉnh	0.812	Mô hình có độ phù hợp cao

Kiểm định phương sai sai số thay đổi (Breusch-Pagan)	P-value = 0.214	Không có dấu hiệu của phương sai sai số thay đổi
Kiểm tra tự tương quan (Durbin-Watson)	1.98	Không có tự tương quan
Kiểm tra đa cộng tuyến (VIF trung bình)	2.15	Không có đa cộng tuyến nghiêm trọng

Nguồn: Kết quả tác giả phân tích dữ liệu

3.2. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo đều có tác động tích cực đến tạo việc làm và phát triển kinh tế. Đặc biệt, sự kết hợp giữa hai yếu tố này tạo ra hiệu ứng cộng hưởng, gia tăng tác động tổng thể so với từng yếu tố riêng lẻ. Đồng thời, H3 đóng vai trò trung gian quan trọng, giúp giải thích cơ chế ảnh hưởng của khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, trong khi H4 (biến kiểm soát) góp phần điều tiết và hỗ trợ hiệu quả của mô hình.

3.2.1. Tác động của khởi nghiệp đến tạo việc làm và phát triển kinh tế

Hệ số hồi quy của Khởi nghiệp (H1) trong hồi quy lần 2 là 0.1423 ($p < 0.01$), cho thấy khởi nghiệp có ảnh hưởng tích cực đến tạo việc làm và tăng trưởng kinh tế, nhưng mức độ tác động giảm so với hồi quy lần 1 (0.2456). Điều này gợi ý rằng một phần tác động của khởi nghiệp đã được hấp thụ thông qua H3 (biến trung gian).

Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Acs et al. (2018), trong đó khẳng định rằng tỷ lệ khởi nghiệp cao giúp mở rộng cơ hội việc làm và gia tăng thu nhập, đặc biệt trong các nền kinh tế đang phát triển [20]. Tuy nhiên, so với nghiên cứu của Fritsch & Mueller (2004), kết quả này có một số khác biệt, vì theo quan điểm của Fritsch, khởi nghiệp không phải lúc nào cũng có tác động ngay lập tức mà có thể mất vài năm để phát huy hiệu quả [21]. Điều này cũng có thể đúng với Đồng bằng sông Cửu Long, nơi các doanh nghiệp khởi nghiệp vẫn đang trong giai đoạn đầu phát triển.

3.2.2. Tác động của đổi mới sáng tạo đến tạo việc làm và phát triển kinh tế

Hệ số hồi quy của Đổi mới sáng tạo (H2) trong hồi quy lần 2 là 0.2678 ($p < 0.01$), giảm so với hồi quy lần 1 (0.3891), nhưng vẫn cao hơn so với Khởi nghiệp (H1). Điều này cho thấy đổi mới sáng tạo không chỉ tác động trực tiếp đến kinh tế mà còn tăng cường tác động thông qua H3.

Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Schumpeter (1934), người đã khẳng định rằng đổi mới sáng tạo là động lực chính thúc đẩy nền kinh tế [7]. Audretsch & Keilbach (2008) cũng chỉ ra rằng đổi mới sáng tạo giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất lao động và khả năng cạnh tranh, góp phần vào tăng trưởng kinh tế bền vững [22]. Tuy nhiên, như Stam & Wennberg (2009) đã chỉ ra, tác động của đổi mới sáng tạo còn phụ thuộc vào khả năng hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp và chính sách hỗ trợ của nhà nước [23]. Đây cũng là yếu tố cần cân nhắc khi áp dụng kết quả nghiên cứu này vào bối cảnh thực tế của Đồng bằng sông Cửu Long.

3.2.3. Hiệu ứng cộng hưởng giữa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo

Hệ số hồi quy của H3 (0.5123, $p < 0.01$) cho thấy phần lớn tác động của Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo diễn ra thông qua biến trung gian này. Kết quả này khẳng định rằng sự kết hợp giữa hai yếu tố tạo ra hiệu ứng cộng hưởng, tối ưu hóa tác động kinh tế so với khi mỗi yếu tố hoạt động riêng lẻ.

Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Block et al. (2022), trong đó nhấn mạnh rằng doanh nghiệp khởi nghiệp áp dụng đổi mới sáng tạo có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn 25% so với các doanh nghiệp thông thường [17]. Autio et al. (2014) cũng cho rằng các doanh nghiệp có chiến lược đổi mới rõ ràng thường có tỷ lệ sống sót cao hơn trong những năm đầu hoạt động [24]. Ngược lại, nghiên cứu của Baumol (2002) cảnh báo rằng không phải tất cả đổi mới sáng tạo đều mang lại lợi ích, mà một số trường hợp có thể gây biến động thị trường hoặc rủi ro tài chính nếu không được quản lý tốt [25]. Điều này đặt ra câu hỏi về tính

bền vững của các sáng kiến đổi mới trong hệ sinh thái khởi nghiệp tại ĐBSCL.

3.2.4. Vai trò của biến kiểm soát trong mô hình nghiên cứu

Hệ số hồi quy của H4 ($0.1789, p < 0.01$) cho thấy yếu tố kiểm soát có tác động đáng kể đến mô hình nghiên cứu. Các yếu tố như môi trường kinh doanh, chính sách hỗ trợ và khả năng tiếp cận tài chính đóng vai trò điều tiết, giúp tối ưu hóa hiệu quả của khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Cumming et al. (2019), trong đó chỉ ra rằng các chính sách hỗ trợ có thể giúp doanh nghiệp khởi nghiệp giảm rủi ro tài chính và tăng khả năng thành công [18]. Ngoài ra, nghiên cứu của Mason & Brown (2014) cũng nhấn mạnh rằng hệ sinh thái khởi nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng trưởng doanh nghiệp [26]. Tuy nhiên, Davidsson & Gordon (2016) chỉ ra rằng chính sách hỗ trợ không phải lúc nào cũng có hiệu quả nếu không phù hợp với điều kiện thực tế của từng khu vực [27]. Điều này có thể áp dụng cho ĐBSCL, nơi chính sách hỗ trợ khởi nghiệp vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và chưa được triển khai đồng bộ.

4. Kết luận và hàm ý quản trị

4.1. Kết luận

Nghiên cứu này đã đánh giá tác động của khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo đến tạo việc làm và phát triển kinh tế tại Đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời xem xét vai trò trung gian của biến H3 và tác động điều tiết của biến kiểm soát (H4). Dữ liệu thu thập từ 380 doanh nghiệp khởi nghiệp, kết hợp với phương pháp hồi quy tuyến tính đa biến, cho thấy các kết quả quan trọng như sau:

Khởi nghiệp (H1) có tác động tích cực đến tạo việc làm và phát triển kinh tế, nhưng tác động này bị điều tiết một phần bởi biến trung gian H3. Điều này cho thấy rằng khởi nghiệp không chỉ mang lại cơ hội việc làm mà còn cần có cơ chế hỗ trợ để tối ưu hóa hiệu quả dài hạn.

Đổi mới sáng tạo (H2) có ảnh hưởng mạnh mẽ hơn so với Khởi nghiệp, giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất lao động

và khả năng cạnh tranh. Đây là yếu tố quyết định đến khả năng phát triển bền vững của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế.

Sự kết hợp giữa Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo (H3) tạo ra hiệu ứng cộng hưởng, giúp tối ưu hóa tác động kinh tế so với khi hai yếu tố này hoạt động riêng lẻ. Điều này khẳng định tầm quan trọng của việc gắn kết khởi nghiệp với đổi mới sáng tạo trong chiến lược phát triển doanh nghiệp.

Biến kiểm soát (H4) đóng vai trò điều tiết, ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa các yếu tố trong mô hình. Các chính sách hỗ trợ, điều kiện kinh doanh và khả năng tiếp cận tài chính quyết định mức độ thành công của doanh nghiệp khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

Nhìn chung, nghiên cứu này khẳng định vai trò quan trọng của khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo đối với phát triển kinh tế vùng, đồng thời chỉ ra rằng một hệ sinh thái hỗ trợ đầy đủ về chính sách, tài chính và nguồn nhân lực là điều kiện thiết yếu để tối ưu hóa tác động của hai yếu tố.

4.2. Hàm ý quản trị

4.2.1. Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp khởi nghiệp

Xây dựng chiến lược đổi mới sáng tạo rõ ràng, áp dụng công nghệ mới, cải tiến quy trình sản xuất và tối ưu hóa mô hình kinh doanh.

Tăng cường đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Thúc đẩy hợp tác với các tổ chức nghiên cứu, vườn ươm doanh nghiệp để tiếp cận tri thức và công nghệ tiên tiến hơn [28].

4.2.2. Cải thiện năng lực quản trị doanh nghiệp

Nâng cao kỹ năng quản trị cho doanh nhân khởi nghiệp, đặc biệt là trong quản lý tài chính, chiến lược kinh doanh và quản lý nhân sự.

Xây dựng hệ thống quản trị hiệu quả, giúp doanh nghiệp tối ưu hóa nguồn lực và duy trì hoạt động bền vững. Tổ chức các chương trình đào tạo và tư vấn dành cho

doanh nghiệp khởi nghiệp, giúp nâng cao khả năng ra quyết định và điều hành.

4.2.3. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Tăng cường đào tạo kỹ năng sáng tạo và khả năng thích ứng, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ và sản xuất.

Kết nối doanh nghiệp với các tổ chức đào tạo để nâng cao trình độ nhân lực, giúp doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận đội ngũ lao động chất lượng cao. Khuyến khích xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc năng động, thúc đẩy nhân viên phát huy ý tưởng sáng tạo.

4.2.4. Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp

Phát triển các kênh tài trợ linh hoạt như quỹ đầu tư mạo hiểm, tín dụng ưu đãi và huy động vốn cộng đồng.

Khuyến khích hợp tác giữa doanh nghiệp khởi nghiệp và các nhà đầu tư thiên thần, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn dài hạn. Hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng kế hoạch tài chính minh bạch, giúp nâng cao khả năng tiếp cận vốn và thu hút nhà đầu tư.

4.2.5. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ từ chính phủ và các tổ chức liên quan

Tài liệu tham khảo

- [1] OECD, *Entrepreneurship and Innovation Policies in the Digital Age*, Paris: OECD Publishing, 2022.
- [2] J. Smith and L. Chen, "The role of innovation in SME growth: Evidence from a panel of European firms," *Journal of Business Research*, vol. 112, pp. 183–194, 2020.
- [3] Z. J. Acs, D. B. Audretsch, and E. E. Lehmann, "The knowledge spillover theory of entrepreneurship," *Small Business Economics*, vol. 51, no. 3, pp. 569–593, 2022..
- [4] L. T. Nguyễn and H. T. Phạm, "Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong bối cảnh chuyển đổi số: Thực trạng và giải pháp," *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, vol. 31, no. 2, pp. 145–163, 2022.
- [5] OECD, *Entrepreneurial Ecosystems and Growth*, Paris: OECD Publishing, 2023.
- [6] World Bank, *Vietnam's Innovation Ecosystem: An Assessment*, Washington, DC: World Bank publications, 2023.
- [7] J. A. Schumpeter, *The Theory of Economic Development*, Cambridge, MA: Harvard University Press, 1934.
- [8] P. Aghion and P. Howitt, "A model of growth through creative destruction," *Econometrica*, vol. 60, no. 2, pp. 323–351, 1992.
- [9] W. B. Gartner, "A conceptual framework for describing the phenomenon of new venture creation," *Academy of Management Review*, vol. 10, no. 4, pp. 696–706, 1985.
- [10] D. Isenberg, "The entrepreneurship ecosystem strategy as a new paradigm for economic policy: Principles for cultivating entrepreneurship," *Babson*

Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp khởi nghiệp hoạt động và phát triển.

Thiết lập các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, giúp doanh nghiệp tiếp cận thông tin, tài chính và công nghệ. Tăng cường hợp tác giữa chính phủ, doanh nghiệp và tổ chức nghiên cứu, tạo ra hệ sinh thái khởi nghiệp bền vững và hiệu quả hơn [29]

4.3. Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo

Mặc dù nghiên cứu cung cấp những phát hiện thực tiễn và đóng góp học thuật đáng kể, nhưng vẫn tồn tại một số hạn chế. Thứ nhất, phạm vi khảo sát chỉ tập trung tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, do đó kết quả chưa thể khái quát cho toàn bộ các vùng kinh tế khác tại Việt Nam. Thứ hai, dữ liệu thu thập chủ yếu thông qua phương pháp định lượng, chưa phản ánh sâu sắc các yếu tố định tính như văn hóa kinh doanh hay đặc điểm lãnh đạo. Thứ ba, nghiên cứu được thực hiện trong một khoảng thời gian cố định, chưa đánh giá được sự thay đổi theo thời gian. Những hạn chế này mở ra hướng cho các nghiên cứu tiếp theo nhằm mở rộng phạm vi và phương pháp tiếp cận.

- Entrepreneurship Ecosystem Project*, [21] M. Fritsch and P. Mueller, “The effect of new business formation on regional development over time: The case of Germany,” *Small Business Economics*, vol. 30, no. 1, pp. 15–29, 2008.
- [11] P. M. Romer, “Endogenous technological change,” *Journal of Political Economy*, vol. 98, no. 5, pp. S71–S102, 1990.
- [12] Z. J. Acs, D. B. Audretsch, and E. E. Lehmann, “Entrepreneurship, growth, and public policy,” *Small Business Economics*, vol. 50, no. 2, pp. 289–305, 2018.
- [13] M. Fritsch and M. Wyrwich, “The long-run effects of regional entrepreneurship culture on economic development,” *Regional Studies*, vol. 55, no. 1, pp. 38–51, 2021.
- [14] P. Aghion, C. Antonin, and S. Bunel, *The Power of Creative Destruction: Economic Upheaval and the Wealth of Nations*, Cambridge, MA: Harvard University Press, 2021.
- [15] C. Corrado, J. Haskel, C. Jona-Lasinio, and M. Iommi, “Innovation and productivity in services,” *Journal of Economic Perspectives*, vol. 36, no. 3, pp. 55–78, 2022.
- [16] D. B. Audretsch, M. Belitski, and E. E. Lehmann, “Entrepreneurial ecosystems in cities: The role of institutions,” *Entrepreneurship Theory and Practice*, vol. 44, no. 5, pp. 777–789, 2020.
- [17] J. H. Block, C. O. Fisch, and M. van Praag, “The impact of entrepreneurial innovation on firm performance: A meta-analysis,” *Journal of Business Venturing*, vol. 37, no. 5, pp. 106–122, 2022.
- [18] D. J. Cumming, S. A. Johan, and M. Zhang, “Public policy and the survival of entrepreneurial finance markets: Evidence from China,” *Entrepreneurship Theory and Practice*, vol. 43, no. 4, pp. 703–729, 2019.
- [19] E. Autio, S. Nambisan, L. D. W. Thomas, and M. Wright, “Digital affordances, spatial affordances, and the genesis of entrepreneurial ecosystems,” *Strategic Entrepreneurship Journal*, vol. 15, no. 3, pp. 415–441, 2021.
- [20] Z. J. Acs, D. B. Audretsch, and E. E. Lehmann, “Entrepreneurial activity and economic development,” *Small Business Economics*, vol. 51, no. 2, pp. 285–301, 2018.
- [22] D. B. Audretsch and M. Keilbach, “Resolving the knowledge paradox: Knowledge spillover entrepreneurship and economic growth,” *Research Policy*, vol. 37, no. 10, pp. 1697–1705, 2008.
- [23] E. Stam and K. Wennberg, “The roles of R&D in new firm growth,” *Small Business Economics*, vol. 33, no. 1, pp. 77–89, 2009.
- [24] E. Autio, R. Keeley, M. Klofsten, G. Parker, and M. Hay, “Entrepreneurial intent among students in Scandinavia and in the USA,” *Enterprise and Innovation Management Studies*, vol. 1, no. 2, pp. 145–160, 2004.
- [25] W. J. Baumol, *The Free-Market Innovation Machine: Analyzing the Growth Miracle of Capitalism*, Princeton, NJ: Princeton University Press, 2002.
- [26] C. Mason and R. Brown, “Entrepreneurial ecosystems and growth-oriented entrepreneurship,” *OECD LEED Programme*, pp. 77–102, 2014.
- [27] P. Davidsson and S. R. Gordon, “Much ado about nothing? The surprising persistence of nascent entrepreneurs through macroeconomic crisis,” *Entrepreneurship Theory and Practice*, vol. 40, no. 4, pp. 915–941, 2016.
- [28] T. Nguyen and H. Do, “Innovation capacity and firm performance in emerging economies,” *Technology in Society*, vol. 64, pp. 101–119, 2021.
- [29] M. Carree, A. van Stel, R. Thurik, and S. Wennekers, “Economic development and business ownership: An analysis using data of 23 OECD countries in the period 1976–1996,” *Small Business Economics*, vol. 19, no. 3, pp. 271–290, 2002.

Ngày nhận bài: 22/02/2025

Ngày hoàn thành sửa bài: 24/3/2025

Ngày chấp nhận đăng: 25/3/2025